

Số: **268** /QĐ-ĐHBK

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 07 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành “Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 04 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng và các trường thành viên;

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 03 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 6950/QĐ-ĐHĐN ngày 01 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Đà Nẵng, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Căn cứ kết luận cuộc họp ngày 06 tháng 07 năm 2015 bàn về công tác đào tạo, cuộc họp ngày 16 tháng 06 năm 2016 thảo luận lấy ý kiến dự thảo quy định đào tạo, do Hiệu trưởng trường Đại học Bách Khoa - Đại học Đà Nẵng chủ trì;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Bách Khoa - Đại học Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 564/ĐHBK-ĐT ngày 17 tháng 5 năm 2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Bách Khoa - Đại học Đà Nẵng.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức-Hành chính, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Công tác sinh viên, các Trưởng khoa và sinh viên chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đại học Đà Nẵng (đề báo cáo);
- Lưu TC-HC, ĐT, CTSV, KT&ĐBCLGD, TT-PC.

GS. TS. Lê Kim Hùng

QUY ĐỊNH

*Ban hành kèm theo Quyết định số: 268/QĐ-ĐHBK ngày 07 tháng 07 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa*

Chương I **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Trường), gồm: tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả học tập, xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên thuộc các chương trình đào tạo đại trà trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) cần thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; phương pháp, hình thức giảng dạy/ học tập và cách thức đánh giá kết quả học tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; các điều kiện thực hiện chương trình.

2. Mỗi chương trình gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với nhiều ngành (kiểu song ngành) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

3. Đề cương chi tiết của mỗi học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ; điều kiện tiên quyết, học trước, học song hành; chuẩn đầu ra; nội dung lý thuyết và thực hành; cách thức đánh giá học phần; giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

4. Chương trình đào tạo được Trường xây dựng và cập nhật theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm thích ứng với nhu cầu phát triển của xã hội. Khối lượng của mỗi chương trình không dưới 150 tín chỉ đối với khóa học 5 năm; không dưới 135 tín chỉ đối với khóa học 4,5 năm; không dưới 120 tín chỉ đối với khóa học 4 năm.

Điều 3. Học phần và tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Kiến thức trong mỗi học phần được thiết kế kiểu mô đun theo từng môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi học phần có mã và ký hiệu theo quy định của Trường.

2. Trong chương trình đào tạo có 2 loại học phần sau:

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết và sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho mỗi chương trình.

Giữa các học phần, có sự liên hệ về kiến thức và do đó có các mức độ ràng buộc về trình tự học, gồm: tiên quyết, học trước, song hành, không có ràng buộc. Nếu học phần M là tiên quyết của học phần N thì sinh viên phải học và đạt học phần M mới được đăng ký học học phần N. Nếu học phần M là điều kiện học trước của học phần P thì sinh viên phải học học phần M rồi mới được đăng ký học học phần P. Nếu học phần K là cho phép học song hành với học phần H thì sinh viên có thể đăng ký học học phần K cùng với học phần H trong cùng một học kỳ hoặc học học phần K sau khi học học phần H.

Trường hướng dẫn sinh viên học học phần tương đương (trường hợp lựa chọn học các học phần giáo dục thể chất theo năng khiếu, hoặc lựa chọn học một trong số các ngoại ngữ được giảng dạy tại Trường) và học phần thay thế (khi có sự thay đổi chương trình đào tạo dẫn đến sự thay đổi số lượng học phần, số tín chỉ của học phần).

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết, 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận, bằng 60 giờ thực tập tại cơ sở hoặc bằng 45 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn, đề án hoặc khóa luận tốt nghiệp.

Để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị ngoài giờ lên lớp.

4. Thời gian một tiết học là 50 phút.

Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy

Thời gian hoạt động giảng dạy của Trường từ 7 giờ đến 19 giờ hằng ngày. Tùy theo tình hình thực tế, Hiệu trưởng quy định cụ thể về thời gian hoạt động giảng dạy ngoài thời gian trên. Tùy theo số lượng sinh viên, điều kiện nhân lực và cơ sở vật chất của Trường, phòng Đào tạo sắp xếp thời khóa biểu các lớp trong thời gian trên.

Điều 5. Đánh giá kết quả học tập

Cuối mỗi học kỳ, để đánh giá kết quả học tập của sinh viên Trường sử dụng 4 tiêu chí: Khối lượng học tập đăng ký, điểm trung bình chung học kỳ, khối lượng kiến thức tích lũy, điểm trung bình chung tích lũy.

1. Khối lượng học tập đăng ký là tổng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ, gồm cả học phần học lần đầu và học từ lần thứ 2 trở đi;

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký trong học kỳ, theo Khoản 1 của Điều này. Trọng số của mỗi học phần là số tín chỉ tương ứng của học phần đó;

3. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đã tích lũy được (điểm theo thang 4 là từ 1,0 trở lên), tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xét;

4. Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng số tín chỉ của các học phần đã tích lũy được (điểm theo thang 4 là từ 1,0 trở lên) tính từ đầu khóa học.

Chương II **TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ.

a) Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình đào tạo cụ thể. Thời gian khóa học trình độ đại học của Trường từ 4 đến 5 năm, tùy từng chương trình đào tạo cụ thể.

b) Một năm học có hai học kỳ chính (học kỳ 1, học kỳ 2) và một học kỳ phụ (học kỳ hè). Học kỳ chính kéo dài 15 tuần học và 3 đến 4 tuần thi. Học kỳ phụ kéo dài 5 tuần học, 1 tuần thi.

2. Kế hoạch đào tạo của khóa học và từng học kỳ thể hiện trong chương trình đào tạo đã được Hiệu trưởng quyết định ban hành, được công bố công khai trong các tài liệu in và trang mạng của Trường. Sự thay đổi về chương trình, kế hoạch đào tạo phải được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường, được Hiệu trưởng phê duyệt và cập nhật ở trang mạng thông tin đào tạo. Trước mỗi năm học, Trường xây dựng kế hoạch đào tạo chi tiết trong mỗi học kỳ của năm học và công bố công khai ở trang mạng thông tin đào tạo, bảng kế hoạch đào tạo và các bảng thông báo.

3. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình gồm: thời gian thiết kế cho chương trình quy định tại Khoản 1 của Điều này, cộng với thời gian gia hạn cho phép: 4 học kỳ đối với khóa học từ 3 đến dưới 5 năm; 6 học kỳ đối với các khóa học 5 năm.

Đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

Điều 7. Đăng ký nhập học và sắp xếp ngành đào tạo

1. Căn cứ vào quy chế tuyển sinh hiện hành và phương án tuyển sinh của Trường ở từng năm, Hội đồng tuyển sinh Đại học Đà Nẵng công bố ngành đào tạo (hoặc nhóm ngành) của sinh viên trúng tuyển vào Trường.

2. Đối với trường hợp tuyển sinh theo nhóm ngành đào tạo trong kỳ thi tuyển sinh, đầu khoá học Trường công bố công khai chỉ tiêu đào tạo cho từng chương trình (hoặc từng ngành đào tạo). Căn cứ vào đăng ký chọn chương trình (hoặc ngành đào tạo), điểm thi tuyển sinh và kết quả học tập, Trường sắp xếp sinh viên vào các chương trình (hoặc ngành đào tạo). Mỗi sinh viên được đăng ký một số nguyện vọng chọn chương trình (hoặc ngành đào tạo) theo thứ tự ưu tiên. Hiệu trưởng quy định số lượng và tiêu chí cụ thể đối với từng chương trình (hoặc ngành đào tạo) để sinh viên đăng ký.

3. Khi nhập học, sinh viên phải nộp cho Trường đầy đủ những giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành và được Hội đồng tuyển sinh thông báo chi tiết trong giấy báo nhập học.

4. Sau khi nhập học, sinh viên được Trường cấp thẻ sinh viên, cung cấp thông tin về chương trình đào tạo, nội dung và kế hoạch học tập toàn khóa học, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của người học.

Điều 8. Tổ chức lớp

1. Lớp sinh viên (sau đây gọi tắt là lớp): bao gồm những sinh viên cùng ngành, cùng khóa học. Lớp sinh viên có ký hiệu lớp, cán bộ lớp, cán bộ Đoàn, giảng viên chủ nhiệm/ cố vấn học tập; là nơi để Trường tổ chức, quản lý về thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện, các hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội, thi đua, khen thưởng, kỷ luật. Nếu sinh viên được phân ngành hoặc chuyên ngành, Trường có thể chuyển sinh viên sang lớp khác. Sinh viên đã học hết thời gian thiết kế của khóa học thì sinh hoạt với sinh viên ở lớp cùng ngành ở khóa sau.

2. Lớp học phần: Lớp học phần được tổ chức theo từng học phần dựa vào kết quả đăng ký học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Mỗi lớp học phần có mã số riêng, có thời khóa biểu và giảng viên phụ trách. Trường đảm bảo mở đủ các lớp học phần theo kế hoạch thiết kế của chương trình đào tạo.

Điều 9. Đăng ký khối lượng học tập

1. Ở học kỳ đầu tiên của khóa học, sinh viên học theo thời khóa biểu do Trường định sẵn. Từ học kỳ thứ hai trở đi, mỗi sinh viên phải tự xác định và đăng ký khối lượng học tập trong mỗi học kỳ phù hợp với điều kiện, năng lực của bản thân.

2. Trước khi đăng ký học cho mỗi học kỳ, Trường công bố tài liệu hướng dẫn, gồm kế hoạch đăng ký học, thời khóa biểu dự kiến của tất cả các lớp học phần của tất cả các khóa học được mở trong học kỳ, lịch rút học phần, mức học phí, lịch đóng học phí.

3. Thông qua mạng Internet sinh viên đăng ký học theo kế hoạch của Trường.

a) Đăng ký bình thường: Đăng ký bình thường là ở gần cuối học kỳ trước, đăng ký học cho học kỳ sau. Trừ các sinh viên thuộc diện nêu ở Điểm b Khoản 3 của Điều này, tất cả sinh viên phải tự đăng ký học;

b) Đăng ký muộn: Phòng Đào tạo đăng ký bổ sung cho sinh viên tạm ngừng học do ốm hoặc được điều động vào lực lượng vũ trang mới quay lại học tập; sinh viên bị ốm hoặc gia đình có biến cố trong thời gian đăng ký học; sinh viên bắt đầu học chương trình thứ hai. Sinh viên thuộc các trường hợp này phải trình minh chứng cho Phòng Đào tạo và chỉ được giải quyết đăng ký nếu không trễ quá 20% thời gian học của lớp học phần;

c) Ở tuần thứ 2 đến tuần thứ 4 của học kỳ chính, Trường tổ chức cho sinh viên đăng ký nhu cầu để mở lớp bổ sung nhằm giải quyết nhu cầu học lại, cải thiện, học vượt của sinh viên và xử lý các trường hợp thay đổi kế hoạch đào tạo do khoa đề nghị điều chỉnh và được Hiệu trưởng chấp thuận. Các lớp học phần mở bổ sung bắt đầu học từ tuần thứ 6, học vào buổi tối, ngày thứ Bảy, Chủ nhật.

4. Mỗi học kỳ chính, sinh viên phải đăng ký ít nhất đủ khối lượng học tập tối thiểu.

a) Khối lượng học tập tối thiểu là 14 tín chỉ đối với sinh viên có điểm trung bình chung học kỳ ở học kỳ liền trước từ 2,00 trở lên, trừ các trường hợp: các học kỳ từ học kỳ cuối khóa học trở đi, những sinh viên học vượt ở kỳ trước nhưng kỳ này không có lớp học phần cần học, các ngành đào tạo có tổng số tín chỉ trong học kỳ ít hơn mức này;

b) Khối lượng học tập tối thiểu là 10 tín chỉ đối với sinh viên có điểm trung bình chung học kỳ ở học kỳ liền trước dưới 2,00, trừ các học kỳ từ học kỳ cuối khóa học trở đi;

c) Đến khi kết thúc đăng ký học, sinh viên có học phần cần học và trong học kỳ có lớp nhưng không chịu đăng ký đủ số tín chỉ tối thiểu sẽ bị Trường xem xét hủy tất cả đăng ký học trong học kỳ và ban hành quyết định buộc ngừng học tạm thời.

5. Không quy định khối lượng học tập tối thiểu trong học kỳ hè.

6. Việc đăng ký học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết, học trước, học song hành của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

7. Giảng viên chủ nhiệm/ cố vấn học tập có nhiệm vụ cố vấn học tập cho sinh viên trong quá trình đào tạo. Kết thúc thời gian đăng ký ở mỗi học kỳ, giảng viên chủ nhiệm/ cố vấn học tập dùng công cụ tác nghiệp của Trường để xem xét, khuyến nghị sinh viên điều chỉnh khối lượng học tập nếu bất hợp lý; sau đó in bảng tổng hợp khối lượng học tập của lớp, ký và tập hợp theo khoa để nộp về Phòng Đào tạo.

8. Ở mỗi học kỳ, khi kết thúc thời gian gia hạn đóng học phí đối với đợt đóng học phí thứ nhất, sinh viên nào không đóng học phí thì sẽ bị hủy 2 học phần có số tín chỉ cao nhất trong số học phần đã đăng ký trong học kỳ đó; khi kết thúc thời gian gia hạn đóng học phí đối với đợt đóng cuối cùng của học kỳ, sinh viên nào không đóng học phí thì có thể bị đình chỉ học tập ở học kỳ kế tiếp.

9. Sau mỗi năm học, sinh viên nào không đạt năng lực ngoại ngữ với lộ trình yêu cầu theo quy định hiện hành của Trường thì sẽ bị giới hạn số tín chỉ tối đa được phép đăng ký học ở mỗi học kỳ, để tăng thời gian học ngoại ngữ nhằm kịp đạt chuẩn đầu ra quy định.

Điều 10. Hủy các lớp học phần do số lượng đăng ký ít

1. Số lượng sinh viên tối thiểu để mở lớp học phần lý thuyết là 25. Số lượng sinh viên tối thiểu để mở lớp học phần thực hành, thí nghiệm, thực tập phụ thuộc vào đặc điểm của học phần và được Trường công bố vào đầu mỗi năm học.

2. Kết thúc thời hạn quy định đăng ký học phần trên trang mạng đào tạo, Trường sẽ hủy các lớp học phần không đủ số lượng sinh viên đăng ký, trừ các lớp học phần sinh viên có đề nghị duy trì để giải quyết nhu cầu học lại, học vượt. Các lớp học phần có số lượng sinh viên dưới mức tối thiểu nói trên có thể sẽ có mức học phí cao hơn để Trường bù đắp chi phí tổ chức lớp.

3. Trường có thể chuyển sinh viên ở lớp học phần bị hủy sang các lớp học phần khác, nếu sinh viên không bị trùng thời khóa biểu và lớp còn chỗ.

Điều 11. Rút bớt các học phần sau khi đăng ký

1. Ở học kỳ chính: Trong vòng 2 ngày đầu của tuần thứ 3 kể từ đầu học kỳ, thông qua mạng Internet sinh viên có thể tự điều chỉnh rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký. Sau thời hạn này, sinh viên không được rút học phần, phải học và đóng học phí cho tất cả các học phần đã đăng ký. Nếu không học, sinh viên sẽ bị xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F.

2. Ở học kỳ hè: Sau khi đăng ký sinh viên phải đóng học phí. Sinh viên đã đăng ký học và đóng học phí nhưng không muốn học hoặc không thể tiếp tục học hết học kỳ hè thì ở 2 ngày đầu của tuần thứ 2, có thể xin hủy học phần thông qua mạng Internet. Sau thời gian này, không cho phép hủy học phần, trừ sinh viên đăng ký dự phòng để học lại học phần đã học ở học kỳ liền trước kỳ hè nhưng đến tuần thứ 2 của kỳ hè vẫn chưa biết điểm, thì được xin hủy học phần đó nếu có điểm đạt. Sinh viên không được hoàn học phí đối với học phần xin hủy.

3. Việc rút bớt các học phần không được vi phạm Khoản 4 Điều 9 của Quy định này và phải đảm bảo điều kiện ràng buộc logic giữa các học phần.

4. Kết thúc thời gian rút học phần ở mỗi học kỳ, thông qua trang mạng tác nghiệp của Trường, Phòng Đào tạo báo cho giảng viên chủ nhiệm/ cố vấn học tập biết tình trạng rút học phần của sinh viên.

Điều 12. Đăng ký học lại, học thay thế

1. Sinh viên bị điểm F đối với học phần bắt buộc thì phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm tích lũy.

2. Sinh viên bị điểm F đối với học phần tự chọn thì có thể đăng ký học lại học phần đó hoặc đổi sang học học phần tự chọn tương đương khác.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại đối với các học phần bị điểm D để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.

4. Đối với những sinh viên còn có học phần bắt buộc nhưng chưa học, mà học phần này Trường không còn mở lớp cho khóa sau nữa và có quá ít (dưới 10) sinh viên có nhu cầu học, Hội đồng khoa xem xét và đề nghị Trường cho phép sinh viên học học phần thay thế.

Điều 13. Nghỉ học do bị ốm, tai nạn

1. Sinh viên bị ốm, tai nạn trong thời gian học của lớp nhưng chưa vắng quá 20% thời gian học thì cần phải xin phép giảng viên phụ trách lớp học phần.

2. Sinh viên bị ốm hoặc tai nạn phải vắng thi giữa kỳ hoặc cuối kỳ, thì phải có đơn xin phép hoãn thi nộp cho Phòng Đào tạo trong vòng một tuần kể từ ngày ốm, kèm theo xác nhận cơ quan y tế trường hoặc bệnh viện để được phép hoãn thi.

3. Sinh viên bị ốm hoặc tai nạn mà vắng quá 20% thời gian học của học kỳ thì cần phải thực hiện theo Điều 14 của Quy định này.

Điều 14. Nghỉ học tạm thời

1. Sinh viên có thể làm đơn xin Trường cho phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;

b) Bị ốm hoặc tai nạn buộc phải điều trị trong thời gian dài. Trong trường hợp này, phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế từ cấp quận/ huyện trở lên;

c) Vì nhu cầu cá nhân. Trong trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở Trường; không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 16 của Quy định này; phải đạt điểm trung bình học kỳ ở học kỳ trước từ 2,00 trở lên, đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 trở lên và phải có đơn xin nghỉ học tạm thời nộp cho Phòng Đào tạo trong vòng 4 tuần đầu của học kỳ chính. Hiệu trưởng quyết định cho phép nghỉ học đối với những trường hợp đặc biệt cụ thể (gia đình có tang, hỏa hoạn, thiên tai...). Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải tính vào thời gian học chính thức quy định tại Khoản 3 Điều 6 của Quy định này.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời vì lý do cá nhân phải làm thủ tục trở lại học tập trước đợt đăng ký học cho học kỳ mới ít nhất 7 ngày để kịp tự đăng ký học qua mạng Internet. Sinh viên nghỉ học tạm thời vì các lý do khác, khi muốn trở lại học tiếp thì phải nộp đơn xin trở lại học tập cho Phòng Đào tạo trước tuần đầu của học kỳ mới.

Điều 15. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy được, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:

Số tín chỉ tích lũy	Dưới 32	32 đến 63,5	64 đến 95,5	96 đến 127,5	Từ 128 trở lên
Xếp hạng năm đào tạo	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên được xếp hạng học lực như sau:

a) Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung học kỳ đạt từ 2,00 trở lên và điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.

b) Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung học kỳ dưới 2,00 hoặc điểm trung bình chung tích lũy dưới 2,00.

3. Những học phần sinh viên học trong học kỳ hè được gộp vào học kỳ 2 liền trước để đánh giá kết quả học tập, xét học bổng.

Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

1. Cuối mỗi học kỳ, sinh viên học yếu kém sẽ bị cảnh báo kết quả học tập hoặc bị buộc thôi học. Cảnh báo kết quả học tập để sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình.

2. Cuối mỗi học kỳ, sinh viên bị cảnh báo kết quả học tập nếu rơi vào ít nhất một trong hai trường hợp sau:

a) Có điểm trung bình chung tích lũy dưới ngưỡng quy định, là: 1,20; 1,40; 1,60 và 1,80 tương ứng với sinh viên có hạng năm đào tạo là: năm 1; năm 2; năm 3 và từ năm 4 trở lên. Ngưỡng điểm trung bình chung tích lũy quy định đối với sinh viên liên thông là 1,80;

b) Có điểm trung bình chung học kỳ dưới ngưỡng quy định, là: 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học; 1,00 đối với học kỳ thứ 2 trở đi. Ngưỡng điểm trung bình chung học kỳ quy định đối với sinh viên liên thông là 1,00;

3. Cuối mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào ít nhất một trong các trường hợp sau:

a) Không đăng ký tín chỉ nào trong học kỳ mặc dù có lớp học phân cần học;

b) Điểm học phần theo thang 10 của tất cả các học phần trong học kỳ là 0;

c) Sinh viên đã bị cảnh báo kết quả học tập ở học kỳ đầu tiên của khóa học, đến học kỳ thứ 2 có điểm trung bình chung học kỳ dưới 1,00 hoặc có điểm trung bình chung tích lũy dưới 1,20;

d) Sinh viên đã bị cảnh báo 2 lần, sau đó có điểm trung bình chung học kỳ dưới 1,00 hoặc có điểm trung bình chung tích lũy dưới ngưỡng quy định ở Điểm a Khoản 2 Điều này;

e) Sinh viên liên thông đã bị cảnh báo một lần, sau đó có điểm trung bình chung học kỳ dưới 1,00 hoặc có điểm trung bình chung tích lũy dưới ngưỡng quy định theo Điểm a Khoản 2 Điều này;

g) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Trường quy định tại Khoản 3 Điều 6 của Quy định này;

h) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ hoặc bị kỷ luật ở mức xóa tên khỏi danh sách sinh viên của Trường;

4. Sinh viên rơi vào một trong các trường hợp nêu ở Điểm b, Điểm d Khoản 3 Điều này và chỉ còn thiếu không quá 14 tín chỉ (kể cả đồ án tốt nghiệp) trong tổng số tín chỉ yêu cầu của chương trình đào tạo thì được cho phép thêm một lần cảnh báo kết quả học tập nhưng không được quá 2 lần liên tiếp và tổng số lần cảnh báo kết quả học tập không quá 3.

5. Sinh viên liên thông rơi vào một trong các trường hợp nêu ở Điểm b, Điểm e Khoản 3 Điều này và chỉ còn thiếu không quá 14 tín chỉ (kể cả đồ án tốt nghiệp) trong tổng số tín chỉ yêu cầu của chương trình đào tạo thì được cho phép thêm một lần cảnh báo kết quả học tập nhưng tổng số lần cảnh báo kết quả học tập không quá 2.

6. Số lần cảnh báo kết quả học tập cho phép đối với sinh viên cử tuyển và sinh viên nước ngoài nhiều hơn sinh viên diện bình thường một lần, nhưng không được quá 2 lần liên tiếp;

7. Trong vòng 30 ngày kể từ khi ban hành quyết định buộc thôi học, Trường thông báo về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Nếu tại Trường hoặc tại những trường khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục

thường xuyên tương ứng, thì sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các Điều c, d, e và g ở Khoản 3 của Điều này, được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ khi học ở chương trình mới. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho chuyển và bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b) Sinh viên học ít nhất một học kỳ ở chương trình thứ nhất, phải có điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 trở lên và điểm trung bình chung học kỳ từ 2,00 trở lên;

c) Trong quá trình học cùng lúc hai chương trình, đối với mỗi chương trình nếu sinh viên có điểm trung bình chung học kỳ dưới 2,00 hoặc điểm trung bình chung tích lũy dưới 2,00 thì bị buộc thôi học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

d) Sau khi được Trường cho phép học chương trình thứ hai, nếu sinh viên đăng ký không đủ ít nhất 3 tín chỉ của chương trình thứ hai thì bị buộc thôi học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại Khoản 3 Điều 6 của Quy định này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất. Khi đã được công nhận tốt nghiệp chương trình thứ nhất, sinh viên không được học lại các học phần thuộc chương trình thứ nhất và tính điểm cho chương trình thứ nhất.

4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

5. Thủ tục đăng ký học chương trình thứ hai:

a) Sinh viên làm đơn và nộp cho Phòng Đào tạo theo thời hạn quy định:

Sinh viên nộp đơn ở tuần 44 của năm học trước để xin học chương trình 2 bắt đầu từ học kỳ 1 của năm học kế tiếp. Phòng Đào tạo thông báo kết quả cho sinh viên vào tuần thứ nhất của năm học.

Sinh viên nộp đơn ở tuần 17 để xin học chương trình 2 bắt đầu từ học kỳ 2 của năm học. Phòng Đào tạo thông báo kết quả cho sinh viên vào tuần 20 của năm học.

b) Sau khi có Quyết định của Hiệu trưởng, đối với học kỳ đầu tiên học chương trình 2, Phòng Đào tạo hỗ trợ đăng ký học cho sinh viên. Đối với các học kỳ sau đó, sinh viên tự đăng ký học các học phần chương trình hai như sinh viên bình thường ở chương trình 2.

Điều 18. Chuyển trường

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có đủ các điều kiện sau:

a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình sinh viên chuyển nơi cư trú, chuyển nơi công tác hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để có điều kiện học tập;

b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến;

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong những trường hợp sau:

a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến;

b) Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;

c) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;

d) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường;

b) Hiệu trưởng trường có sinh viên xin chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

Chương III

KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 19. Đánh giá học phần, kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần

1. Đánh giá học phần

a) Tùy theo đặc điểm của mỗi học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào điểm thi kết thúc học phần và các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm chuyên cần; điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành/ thí nghiệm; điểm kiểm tra giữa học phần; điểm tiểu luận. Điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp, có trọng số không dưới 50%. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là viết (trắc nghiệm, tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, hoặc kết hợp các hình thức này.

b) Việc lựa chọn hình thức đánh giá bộ phận, trọng số của điểm đánh giá bộ phận và cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết học

phần khi xây dựng và cập nhật chương trình đào tạo và phải được Hiệu trưởng phê duyệt. Ở buổi học đầu tiên của lớp học phần, giảng viên phụ trách lớp học phần công bố đề cương chi tiết cho sinh viên. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận.

2. Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần

a) Kiểm tra giữa kỳ

- Giảng viên phụ trách lớp học phần bố trí kiểm tra giữa kỳ trong buổi học của lớp học phần, theo kế hoạch đào tạo năm học đã được Hiệu trưởng phê duyệt.

- Đối với những học phần có đề nghị của Khoa/ Bộ môn tổ chức kiểm tra cùng thời gian, Phòng Đào tạo bố trí lịch trong khoảng thời gian quy định trong kế hoạch đào tạo năm học, Khoa/ Bộ môn tổ chức kiểm tra.

b) Thi kết thúc học phần

- Sinh viên nào vắng quá 20% thời gian học của lớp học phần thì giảng viên dạy lớp học phần có thể xem xét quyết định không cho sinh viên đó dự thi cuối kỳ.

- Lịch thi kết thúc học phần do Phòng Đào tạo và phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục phối hợp sắp xếp và ban hành; phải đảm bảo thời gian ôn thi bình quân ít nhất 2/3 ngày cho mỗi tín chỉ.

- Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với chuẩn đầu ra và nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường.

c) Tổ chức thi lại đối với các học phần bắt buộc mà Trường không còn mở lớp cho khóa sau nữa và quá ít (dưới 10) sinh viên có nhu cầu học

- Căn cứ số liệu do phòng Đào tạo thống kê những trường hợp này, Hiệu trưởng có thể xem xét tổ chức thi để lấy kết quả đánh giá học phần cho sinh viên bị điểm F.

Điều 20. Chấm thi, nhập điểm, công bố và quản lý kết quả học tập, lưu giữ bài thi, phúc khảo.

Chấm thi, nhập điểm, công bố và quản lý kết quả học tập, lưu giữ bài thi, phúc khảo theo quy định hiện hành (có quy định riêng) của Trường.

Điều 21. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận (điểm kiểm tra giữa kỳ, bài tập, tiểu luận,...) và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một số lẻ thập phân.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận, điểm thi cuối kỳ của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

Xếp loại	Điểm theo thang 10	Điểm theo thang 4	Điểm theo thang chữ
Đạt	Từ 9,5 đến 10,0	4,0	A+
	Từ 8,5 đến dưới 9,5	4,0	A

Xếp loại	Điểm theo thang 10	Điểm theo thang 4	Điểm theo thang chữ
	Từ 8,0 đến dưới 8,5	3,5	B+
	Từ 7,0 đến dưới 8,0	3,0	B
	Từ 6,5 đến dưới 7,0	2,5	C+
	Từ 5,5 đến dưới 6,5	2,0	C
	Từ 5,0 đến dưới 5,5	1,5	D+
	Từ 4,0 đến dưới 5,0	1,0	D
Không đạt	< 4,0	0	F

3. Các ký hiệu đặc biệt:

a) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các ký hiệu sau:

- I - Chưa đủ dữ liệu đánh giá.
- X - Chưa nhận được kết quả thi.

Không lấy học phần có điểm I hoặc X để tính điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung học bổng mà chỉ lấy để tính điểm trung bình chung tích lũy sau khi học phần đó có đủ điểm đánh giá bộ phận, điểm thi cuối kỳ.

b) Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng ký hiệu R viết kèm với kết quả.

4. Việc xếp loại các mức điểm A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận và điểm thi cuối kỳ, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

5. Việc xếp loại ở mức điểm F, ngoài những trường hợp như đã nêu ở Khoản 4 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi có quyết định phải nhận mức điểm F.

6. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được Phòng Đào tạo cho phép;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được Phòng Đào tạo chấp thuận.

Khi nhận điểm I, trong thời gian tối đa là 2 học kỳ chính tiếp theo, sinh viên phải dự kiểm tra/ thi bổ sung để hoàn tất học phần còn nợ. Sau khi kiểm tra/ thi, điểm I sẽ được đổi thành điểm mà sinh viên đạt được. Nếu sau hai học kỳ chính, sinh viên không

đăng ký dự thi thì điểm bộ phận còn thiếu của học phần có điểm I sẽ bị chuyển thành điểm 0, trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

Sinh viên có điểm I chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

7. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà Phòng Đào tạo chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ khoa chuyển lên.

8. Ký hiệu R được áp dụng cho các học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

Điều 22. Công nhận tín chỉ tích lũy và miễn học

1. Trường có thể xem xét công nhận sinh viên đã tích lũy và cho phép sinh viên miễn học một số tín chỉ thuộc chương trình đào tạo trình độ đại học, đối với các trường hợp: sinh viên liên thông cao đẳng lên đại học; sinh viên học văn bằng 2; sinh viên từ trường khác chuyển về Trường; sinh viên của Trường đến học tại trường khác theo chương trình trao đổi sinh viên.

2. Kết quả xét đối với các trường hợp nêu ở Khoản 1 Điều này căn cứ vào sự so sánh kết quả học tập: của sinh viên ở trình độ cao đẳng với chương trình đào tạo hiện hành của Trường; của sinh viên tốt nghiệp trình độ đại học văn bằng thứ nhất với chương trình đào tạo hiện hành của Trường mà sinh viên muốn học để có bằng thứ hai; ở trường sinh viên xin chuyển đi với chương trình đào tạo hiện hành của Trường; các học phần ở trường sinh viên đến học với chương trình đào tạo hiện hành của Trường.

3. Đề được xét công nhận tín chỉ, tính từ ngày kết thúc khóa học (theo thiết kế của chương trình đào tạo sinh viên đã học) đến ngày xét công nhận tín chỉ phải không quá 7 năm đối với các học phần thuộc khối kiến thức đại cương và không quá 5 năm đối với các học phần thuộc khối kiến thức chuyên nghiệp.

4. Nếu tham gia chương trình đào tạo hợp tác với nước ngoài và làm đồ án tốt nghiệp tại nước ngoài thì tùy theo đặc điểm chương trình hợp tác, sinh viên có thể được xét không phải bảo vệ ở hội đồng tại Trường. Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch trước khi thực hiện.

5. Đối với sinh viên thôi học theo nguyện vọng hoặc bị buộc thôi học, nếu thi lại và trúng tuyển vào Trường thì phải học lại tất cả chương trình, trừ các chứng chỉ đã được cấp theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 23. Cách tính điểm trung bình chung

1. Điểm trung bình chung học kỳ được tính theo công thức sau đây và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$DTBC = \frac{\sum_{i=1}^M (D_i \cdot tc_i)}{\sum_{i=1}^M tc_i}$$

Trong đó: $DTBC$ là điểm trung bình chung học kỳ; D_i là điểm của học phần thứ i ; tc_i là số tín chỉ của học phần thứ i ; M là số học phần sinh viên đăng ký trong học kỳ. Nếu trong học kỳ có học phần sinh viên học nhiều lần thì chỉ lấy một lần có kết quả cao nhất

đề tính. Học phần học trong học kỳ hè được gộp chung với học kỳ 2 cùng năm học để tính.

Điểm trung bình chung học kỳ là một trong các tiêu chí dùng để xét cảnh báo kết quả học tập, xét thôi học và xếp hạng học lực sinh viên.

2. Điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau đây và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$DTBCTL = \frac{\sum_{i=1}^N (D_{ti} \cdot tc_i)}{\sum_{i=1}^N tc_i}$$

Trong đó: $DTBCTL$ là điểm trung bình chung tích lũy; D_{ti} là điểm tích lũy của học phần thứ i ; tc_i là số tín chỉ của học phần thứ i ; N là số học phần tích lũy tính từ đầu khóa học. Nếu có học phần sinh viên học nhiều lần thì chỉ lấy một lần có điểm tích lũy cao nhất để tính.

Điểm trung bình chung tích lũy là một trong các tiêu chí dùng để xét cảnh báo kết quả học tập, xét thôi học và xếp hạng học lực sinh viên.

Chương IV

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 24. Thực tập tốt nghiệp, làm đồ án tốt nghiệp

1. Thực tập tốt nghiệp là một học phần mà sinh viên muốn đăng ký học phải thỏa mãn các điều kiện đã được quy định trong chương trình đào tạo.

2. Sinh viên được làm đồ án tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Đã học tất cả các học phần của chương trình đào tạo (trừ đồ án tốt nghiệp), khối lượng kiến thức còn chưa tích lũy không vượt quá 4 tín chỉ và phải tích lũy đủ các học phần tiên quyết của đồ án tốt nghiệp.

b) Điểm trung bình chung tích lũy từ 1,90 trở lên.

3. Hình thức và thời gian làm đồ án tốt nghiệp; hình thức chấm đồ án tốt nghiệp; nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn, giảng viên phản biện, hội đồng chấm đồ án tốt nghiệp; trách nhiệm của bộ môn/ khoa và trách nhiệm của sinh viên thực hiện theo quy định hiện hành (có quy định riêng) của Trường do Hiệu trưởng phê duyệt.

4. Đầu mỗi học kỳ chính, Trường xét và công bố danh sách sinh viên đủ điều kiện nhận đồ án tốt nghiệp đúng và trễ tiến độ so với tiến độ thiết kế của chương trình đào tạo. Sinh viên học vượt và có đủ điều kiện nhận đồ án tốt nghiệp sớm hơn so với tiến độ thiết kế của chương trình đào tạo thì cần phải làm đơn xin nhận đồ án tốt nghiệp.

Điều 25. Đánh giá đồ án tốt nghiệp

1. Hội đồng chấm đồ án tốt nghiệp do Hiệu trưởng ký quyết định thành lập theo từng học kỳ để đánh giá đồ án tốt nghiệp của sinh viên. Số lượng thành viên của hội đồng là lẻ, từ 3 trở lên, có Chủ tịch và Thư ký.

2. Thành viên của hội đồng là giảng viên của Trường hoặc các cơ sở giáo dục đại học thành viên Đại học Đà Nẵng, hoặc có thể mời những người có trình độ chuyên môn phù hợp ở ngoài Đại học Đà Nẵng.

3. Điểm đánh giá đồ án tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm của các thành viên hội đồng, người phản biện và người hướng dẫn, gọi chung là người đánh giá. Điểm của mỗi người đánh giá theo thang 10, lấy một số lẻ thập phân. Điểm đánh giá đồ án tốt nghiệp lấy một số lẻ thập phân và được quy đổi sang thang điểm chữ theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Quy định này.

4. Điểm đánh giá đồ án tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

Điều 26. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Sinh viên được xét công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại Điều 2 của Quy định này;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính do Hiệu trưởng quy định;

e) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất;

g) Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định của Trường;

h) Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin theo quy định của Trường.

2. Sinh viên học vượt và đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hơn so với thời gian thiết kế của khóa học thì phải làm đơn xin công nhận tốt nghiệp, nộp cho phòng Đào tạo trong thời gian quy định.

3. Sinh viên tốt nghiệp đúng hoặc chậm tiến độ so với thời gian thiết kế của khóa học nhưng vẫn muốn tiếp tục học để nâng điểm trung bình chung tích lũy thì phải làm đơn xin hoãn công nhận tốt nghiệp, nộp cho phòng Đào tạo trong thời gian quy định.

4. Hội đồng xét tốt nghiệp họp để xét tốt nghiệp cho các sinh viên có đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này. Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền làm Chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo làm Thư ký và các thành viên là các Trưởng khoa chuyên môn, Trưởng phòng Công tác sinh viên.

5. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 27. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo.

1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành). Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học, như sau:

- Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00
- Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59
- Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19
- Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49

2. Sinh viên có kết quả học tập toàn khóa loại xuất sắc, giỏi sẽ bị giảm hạng tốt nghiệp đi một mức, nếu rơi vào ít nhất một trong các trường hợp sau:

a) Tổng số tín chỉ của các học phần học từ lần thứ 2 vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ của chương trình;

b) Trong thời gian học, bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

3. Mỗi sinh viên tốt nghiệp được Trường cấp một bảng điểm ghi kết quả học tập từng học phần, có điểm đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ. Trong bảng điểm ghi rõ chuyên ngành hoặc ngành phụ, nếu có.

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại Khoản 1 Điều 26 của Quy định này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

5. Sinh viên đã hết thời gian tối đa được phép học, chỉ còn thiếu chứng chỉ giáo dục quốc phòng, chứng chỉ giáo dục thể chất thì trong thời hạn 5 năm sau đó, nếu bổ sung đủ các chứng chỉ còn thiếu và đủ điều kiện thì sẽ được xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên đã hết thời gian tối đa được phép học nhưng chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ hoặc công nghệ thông tin thì trong thời hạn 3 năm sau đó, nếu bổ sung đủ chứng chỉ còn thiếu và đủ điều kiện thì sẽ được xét tốt nghiệp. Ngày cấp chứng chỉ ngoại ngữ phải cách thời điểm xét công nhận tốt nghiệp không quá 24 tháng.

7. Sinh viên không tốt nghiệp được Trường cấp chứng nhận kết quả các học phần đã học. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại Khoản 7 Điều 16 của Quy định này.

Chương V XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 28. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Nếu sinh viên vi phạm quy chế trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, thì sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại Khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

Chương VI THI HÀNH

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng đối với tất cả sinh viên các chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường, trừ Khoản 2 của Điều này.

2. Đối với sinh viên (gồm cả: chính quy, liên thông và bằng 2) thuộc các khóa tuyển sinh từ năm 2014 về trước:

a) Quy đổi điểm học phần (kể cả Đồ án tốt nghiệp) như sau:

Xếp loại	Điểm theo thang 10	Điểm theo thang 4	Điểm theo thang chữ
Đạt	Từ 8,5 đến 10,0	4,0	A
	Từ 7,0 đến dưới 8,5	3,0	B
	Từ 5,5 đến dưới 7,0	2,0	C
	Từ 4,0 đến dưới 5,5	1,0	D
Không đạt	< 4,0	0	F

b) Không áp dụng Khoản 9 Điều 9; Điểm h Khoản 1 Điều 26 của Quy định này.

3. Hàng năm, căn cứ thực tế nếu thấy cần thiết Hiệu trưởng sẽ quyết định bổ sung, sửa đổi điều chỉnh Quy định này cho phù hợp.

HIỆU TRƯỞNG

GS. TS. Lê Kim Hùng